

**BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG**

**Tháng 3 – Đợt 1**

**1. Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

**2. Ngày quan trắc:** 12 – 13/3/2025

**Ngày cung cấp TT:** 14/3/2025

**3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Cổng Như Trác	Cổng mở.
2	2	Cổng Hữu Bị	Cổng mở.
3	3	Cổng Cốc Thành	Cổng mở.
4	4	Cổng sông Chanh	Cổng đóng.
5	5	Cổng Nhâm Tràng	Cổng đóng.
6	6	Cổng Kinh Thanh	Cổng đóng.
7	7	Cổng Cổ Đam	Cổng đóng.
8	8	Cổng Vĩnh Trị	Cổng mở.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Cổng đóng.
10	13	Đầu kênh CG16	Cổng mở.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Cổng đóng.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 20 vị trí

**5. Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

**Người cung cấp thông tin:** Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Nam Định.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

*Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:*

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):* Cống Như Trác, Cống Hữu Bị, Cống Cốc Thành, Cống Nhâm Tràng, Cống Kinh Thanh, Cống Cô Đàm, Cống Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Cống 3-2, Cầu Chũ (sông Châu Giang), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Bể hút trạm bơm Quỹ Độ, .

*B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):* Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Sông Chanh, , Đầu kênh S17, Đầu kênh T5.

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu:* Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh C9, Đầu kênh CG 16, Đập Vùa (CG12).

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp:* Các vị trí đạt giới hạn trên.

**Bảng chi tiết:**

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
1	Cống Như Trác	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nồm, nhiệt độ 24°C, gió ĐN 11 km/h, độ ẩm 86%. Dòng chảy vừa, công mở lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm đang lấy nước lên kênh tưới. Nước vàng đục.	7.18	41	7.86	0.1	0.218	0.403	177	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
2	Cống Hữu Bị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nồm, nhiệt độ 24°C, gió ĐN 11 km/h, độ ẩm 87%. Dòng chảy vừa, công mở, đang lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm lấy nước lên kênh tưới. Nước màu vàng đục.	7.26	40	7.82	0.1	0.233	0.410	182	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
3	Cống Cốc	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Trời nồm, nhiệt độ 22°C, gió ĐN 8 km/h,	7.46	39	7.7	0.1	0.303	0.488	211	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Thành	thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	độ ẩm 93%. Dòng chảy vừa. Công mở, đang lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm đang lấy nước lên kênh tưới. Nước màu vàng đục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
4	Cống Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nồm, nhiệt độ 22°C, gió ĐN 9 km/h, độ ẩm 91%. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Nước màu vàng đục.	7.38	39	5.97	0.2	0.591	1.958	421	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
5	Cống Nhâm Trảng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Trảng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía	Trời nồm, nhiệt độ 27°C, gió ĐN 19 km/h, độ ẩm 73%. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu	7.72	75	6.82	0.1	0.482	1.080	416	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	vàng lục.								
6	Cống Kinh Thanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nồm, nhiệt độ 27°C, gió ĐN 19 km/h, độ ẩm 73%. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng. Trạm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.36	19	6.94	0.1	0.420	0.833	396	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
7	Cống Cỏ Đam	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên	Trời nồm, nhiệt độ 27°C, gió ĐN 19 km/h, độ ẩm 73%. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm đang lấy nước tưới. Nước màu vàng lục.	7.24	48	7.07	0.1	0.365	0.855	382	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
8	Công Vĩnh Trị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nồm, nhiệt độ 23°C, gió ĐN 10 km/h, độ ẩm 91%. Dòng chảy vừa. Công mở lấy nước vào nội đồng. Nước màu vàng lục.	7.26	40	7.2	0.1	0.451	0.945	253	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
9	Đầu kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định.	Trời nồm, nhiệt độ 22°C, gió ĐN 8 km/h, độ ẩm 93%. Dòng chảy chậm từ Cốc Thành về. Nước màu vàng lục.	7.52	31	6.82	0.2	0.365	0.684	315	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với	Trời nồm, nhiệt độ 22°C, gió ĐN 8 km/h, độ ẩm 92%. Dòng chảy chậm hướng ra ngã ba sông Chanh. Nước màu vàng lục.	7.31	40	4.5	1.5	1.414	3.983	1700	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QC VN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QC VN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QC VN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QC VN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.									
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên.	Trời nồm, nhiệt độ 23°C, gió ĐN 10 km/h, độ ẩm 91%. Dòng chảy chậm từ Vĩnh Trị về. Nước màu vàng lục.	7.3	36	7.16	0.2	0.559	1.305	284	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nồm, nhiệt độ 24°C, gió ĐN 11 km/h, độ ẩm 86%. Không có dòng chảy, công đóng. Mực nước sông Sắt cao hơn sông Châu Giang. Nước màu vàng lục.	7.01	4	6.24	0.2	0.451	1.598	282	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh	Trời nồm, nhiệt độ 24°C, gió ĐN 11 km/h, độ ẩm 87%.	7.15	18	4.8	0.4	1.834	2.340	719	Chỉ tiêu quan trắc hiện



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Không có dòng chảy, cống mở. Nước màu vàng đục.								trường DO không đạt mức B
14	Cống 3-2	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nồm, nhiệt độ 24°C, gió ĐN 11 km/h, độ ẩm 87%. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu vàng lục.	7.2	43	7.01	0.2	0.474	1.148	248	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
15	Đầu kênh S17	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp huyện Ý Yên.	Trời nồm, nhiệt độ 26°C, gió ĐN 14 km/h, độ ẩm 79%. Dòng chảy chậm từ sông Sắt vào. Nước màu vàng lục.	7.15	10	5.78	0.2	0.435	1.035	331	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
16	Đập Vùa (CG12)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nồm, nhiệt độ 24°C, gió ĐN 11 km/h, độ ẩm 86%. Không có dòng chảy. Cống đóng. Mực nước sông Châu Giang cao	7.26	13	4.38	0.2	2.937	1.058	476	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			hơn nội đồng. Nước màu vàng lục.								B
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nồm, nhiệt độ 24°C, gió ĐN 11 km/h, độ ẩm 86%. Dòng chảy vừa, nước từ Hữu Bị về. Nước màu vàng đục.	7.37	36	6.91	0.2	0.458	0.968	269	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nồm, nhiệt độ 27°C, gió ĐN 17 km/h, độ ẩm 74%. Dòng chảy chậm từ Cỏ Đam về. Nước màu vàng lục.	7.36	42	6.82	0.2	0.482	1.080	412	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
19	Bể hút trạm bơm Quỳ Độ	Kiểm tra chất lượng nước tại trạm bơm Quỳ Độ.	Trời nồm, nhiệt độ 27°C, gió ĐN 15 km/h, độ ẩm 74%. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.	7.18	28	7.26	0.1	0.404	0.925	399	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
20	Đầu kênh T5	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nồm, nhiệt độ 24°C, gió ĐN 11 km/h, độ ẩm 88%. Không có dòng chảy, nước đứng. Mực nước trung bình. Nước màu vàng đục.	7.07	32	5.7	0.2	0.521	1.305	393	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

*Ghi chú:*

**QCVN 08:2023 Mức A:** Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức C:** Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

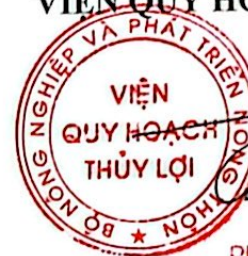
**QCVN 08:2023 Mức D:** Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp. *S*

**Nơi nhận:**

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

*Đào Ngọc Tuấn*